

ông cảm thấy tiếc vì hầu như chưa có NHTMCP nào có một chiến lược tham vọng tự gây dựng một thương hiệu toàn cầu mà có vẻ như họ quan tâm nhiều đến phát triển mạng lưới để sử dụng như một lợi thế trong việc bán cổ phần cho các ngân hàng nước ngoài.

Thách thức

Tiến trình hội nhập quốc tế hệ thống ngân hàng đang tạo áp lực lên hoạt động của các NHTM Việt Nam nói chung, NHTMCP nói riêng. Những thách thức mà các ngân hàng phải đối mặt là: chu kỳ đổi mới diễn ra nhanh, các sản phẩm, dịch vụ tài chính mới liên tục phát triển. Hoạt động các định chế tài chính sẽ phải tuân thủ theo khuôn khổ quốc tế. Kiến thức và kỹ năng sẽ trở thành lợi thế so sánh chủ yếu. Cuộc tranh giành giữa các định chế tài chính ngày càng trở nên gay gắt. 50% số người được hỏi cho rằng trong cuộc cạnh tranh này các NHTMCP có nhiều khó khăn, bất lợi về vốn và công nghệ...

Và cơ hội

Tuy có những khó khăn như vậy nhưng với những điểm mạnh của mình, triển vọng phát triển của các NHTMCP là khả quan. Nhiều người có chung nhận định trong thời gian tới các NHTMCP sẽ phát triển mạnh ngang tầm với các ngân hàng trong khu vực trong quy mô hoạt động về vốn, năng lực tài chính, trình độ công nghệ thông tin. Họ sẽ thu hút mạnh được nguồn vốn đầu tư nước ngoài thông qua việc góp vốn mua cổ phần của các tổ chức tài chính quốc tế. Thực hiện và cung ứng nhiều sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại. Hoạt động theo chuẩn mực quốc tế, tạo dựng được hình ảnh và khẳng định được uy tín và thương hiệu của mình trong nước và khu vực. Các chuyên gia nước ngoài khuyến nghị các NHTMNN cần có sự thay đổi lớn, nếu không sẽ gặp sự cạnh tranh không phải từ các chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà chính từ sự phát triển của NHTMCP trong nước.

NHTMCP là nhân tố khiến người ta hy vọng vào sức cạnh tranh của các ngân hàng nội địa trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Gần 63% số người được hỏi cho rằng các NHTMCP có thể đủ điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngành ngân hàng từ năm 2010. Dự đoán này có lẽ khá lạc quan nhưng nó cũng phản ánh sự đánh giá, sự kỳ vọng đối với các NHTMCP ở Việt Nam. Dự đoán đó có trở thành hiện thực hay không phụ thuộc chính vào những bước đi của NHTMCP ■



GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA

**LÃI SUẤT THỊ TRƯỜNG
LIÊN NGÂN HÀNG
Ở VIỆT NAM**

THS. ĐOÀN PHƯƠNG THẢO *

Lãi suất (LS) thị trường liên ngân hàng (TTLNH) – thị trường “bán buôn”- ở các nước có thị trường tài chính phát triển chính là cơ sở để hình thành lãi suất trong hoạt động huy động nguồn và sử dụng vốn cũng như cung cấp các dịch vụ tài chính của các tổ chức tín dụng (TCTD). Thông qua lãi suất này, Ngân hàng Trung ương thực hiện cho vay đối với các TCTD, góp phần vào việc điều tiết thị trường và nền kinh tế. Ở Việt Nam, cơ chế lãi suất thoả

thuận đã được áp dụng từ tháng 6/2001 và tháng 6/2002 lần lượt đối với tín dụng ngoại tệ và nội tệ. Điều này đồng nghĩa với việc “thị trường hoá” việc xác định lãi suất trong hoạt động của các TCTD ở nước ta. Xác định lãi suất huy động và cho vay vốn một cách hợp lý giờ đây trở thành vấn đề sống còn của các TCTD, đặc biệt khi mà sự biến động lãi suất thị trường ngày càng được quan tâm thường xuyên đối với mọi TCTD, doanh

*Khoa NH-TC, trường Đại học KTQDHN

TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

▶ nghiệp và cá nhân. Để thực hiện được yêu cầu đó, các TCTD không thể bám dựa vào cơ sở nào khác hơn là lãi suất của TTLNH. Bài viết này trước hết sẽ điểm lại một số tình hình về lãi suất của TTLNH Việt Nam thời gian qua, sau đó trình bày một số ý kiến góp phần phát huy vai trò lãi suất TTLNH đối với hoạt động kinh doanh của các TCTD nói riêng và hệ thống tài chính nước ta nói chung.

Sự hình thành và diễn biến của lãi suất TTLNH ở Việt Nam

Trước năm 1988, hoạt động của hệ thống tài chính Việt Nam mang đặc trưng của cơ chế bao cấp. Nhu cầu tài chính của các doanh nghiệp, lực lượng chủ đạo của nền kinh tế, phần lớn được cấp phát bằng Ngân sách Nhà nước theo các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Những nhu cầu tài chính phát sinh sẽ được Ngân hàng Nhà nước cho vay mà thực chất là cấp phát thay cho Ngân sách. Trong bối cảnh đó, hoạt động của thị trường tài chính là không cần thiết và cũng không có cơ hội phát triển. Lãi suất của nền kinh tế mặc nhiên chỉ là lãi suất hoạt động ngân hàng, lãi suất huy động tiết kiệm và cho vay, áp dụng thống nhất, cố định và được xác định một cách duy ý chí chủ quan và nhằm phục vụ cho các mục phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước cho các giai đoạn.

Sau năm 1988, cùng với việc xoá bỏ bao cấp và phát triển nền kinh tế theo định hướng thị trường, hệ thống tài chính Việt Nam đã được tổ chức lại, với những đổi mới trong hệ thống tài khoá và hệ thống ngân hàng hai cấp. Nhiều loại hình ngân hàng và các tổ chức tài chính - tín dụng khác đã ra đời và đi vào hoạt động đáp ứng nhu cầu về vốn cho nền kinh tế. Những thay đổi đó đã thúc đẩy sự hình thành và phát triển của thị trường tài chính, trong đó, TTLNH cũng từng bước ra đời và đi vào hoạt động.

Từ sau khi có Chỉ thị số 07/CT-NH1 ngày 07/10/1992 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép các TCTD được thực hiện việc cho vay và đi vay lẫn nhau, đến tháng 7/1993 thị trường nội tệ liên ngân hàng chính thức đi vào hoạt động gắn liền với các hoạt động của các trung tâm thanh toán bù trừ. Tiếp theo, trong hai năm 1993 và 1994, lần lượt hai trung tâm giao dịch thị trường ngoại tệ liên ngân hàng lần

được thành lập ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Đến nay, TTLNH đã có quy mô giao dịch không ngừng tăng lên và ngày càng khẳng định ý nghĩa quan trọng của thị trường tiền tệ và hệ thống tài chính nước ta.

Hoạt động của TTLNH gắn liền với việc hình thành lãi suất giao dịch về vốn giữa các TCTD tại một thời điểm nhất định. Lãi suất hình thành trên TTLNH được coi là lãi suất "bán buôn" giữa các TCTD với nhau và với Ngân hàng Nhà nước. Về cơ bản, lãi suất TTLNH Việt Nam thời gian qua có những điểm nổi bật sau:

Thứ nhất, về lãi suất công bố, lãi suất TTLNH được công bố hàng ngày trên website chính thức của Ngân hàng Nhà nước. Thông thường lãi suất TTLNH được công bố cao hơn lãi suất huy động bình quân của các TCTD, thấp hơn lãi suất cho vay bình quân của các TCTD đối với khách hàng và tương đương lãi suất đầu thầu tín phiếu kho bạc từng thời kỳ.

Thứ hai, về phương thức hình thành lãi suất TTLNH, lãi suất TTLNH được căn cứ vào lãi suất bình quân của các TCTD do Ngân hàng Nhà nước lựa chọn¹.

Khi xác định lãi suất cho vay và huy động của TCTD đối với khách hàng, TCTD xác định biên độ (Margin) để cộng vào (trường hợp cho vay) và trừ đi (trường hợp huy động) từ lãi suất TTLNH để hình thành nên lãi suất áp dụng đối với khách hàng.

Thứ ba, về phương thức công bố lãi suất, trên cơ sở lãi suất chào của các TCTD do Ngân hàng Nhà nước tập hợp. Hiện nay, lãi suất TTLNH gồm có kỳ hạn sau: qua đêm, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng, 6 tháng. Sự biến động lãi suất qua các năm phù hợp với những thay đổi chính sách lãi suất theo các thời kỳ. Lãi suất trung bình theo các thời hạn 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng trong các năm từ 2001 đến 2005 và từ ngày 01/01 đến ngày 23/02/2006 được tính toán dựa trên số liệu thống kê của Ngân hàng Nhà nước, thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Lãi suất giao dịch bình quân trên TTLNH

| LOẠI KỲ HẠN | 2001 | 2002 | 2003 | 2004 | 2005 | 01/01/2006 ĐẾN 23/02/2006 |
|-------------|------|------|------|------|------|---------------------------|
| 1 tuần | 5,06 | 5,99 | 5,30 | 5,17 | 6,05 | 6,61 |
| 1 tháng | 6,75 | 6,84 | 6,37 | 6,23 | 7,17 | 7,17 |
| 3 tháng | 7,10 | 7,45 | 7,22 | 6,98 | 7,64 | 7,92 |
| 6 tháng | 7,70 | 7,78 | 7,78 | 7,43 | 7,95 | 8,22 |

Một số đánh giá khái quát
Về cơ bản, lãi suất trên TTLNH chưa phản ánh đầy đủ và chính xác quan hệ cung cầu và xu hướng vận động của lãi suất thị trường tài chính nước ta. Lẽ ra, TTLNH phải là cơ sở để hình thành lãi suất thị trường bán lẻ và lãi suất huy động của các TCTD khi áp dụng cơ chế lãi suất thỏa thuận, thì ở nước ta các ngân hàng thương mại và các TCTD khác vẫn hoàn toàn phải "mò mẫm", bám dựa vào lãi suất của các ngân hàng "đại gia" và theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước. Những "mặc cả" hay điều chỉnh lãi suất với các đối tượng khách hàng đều mang tính chất cảm tính hay dập khuôn máy móc. Ngoài ra, rất nhiều giao dịch đã phải tham chiếu, sử dụng lãi suất của thị trường tài chính quốc tế như lãi suất SIBOR, LIBOR,... Điều này không chỉ bất hợp lý mà còn tiềm ẩn những nguy cơ "ngoại sinh" đối với hệ thống tài chính nước ta từ sự biến động của các thị trường đó.

Lãi suất của TTLNH Việt Nam chưa phát huy được vai trò là cơ sở lãi suất cho các hoạt động của các TCTD và của hệ thống tài chính nước ta. Việc hình thành và biến động của lãi suất của thị trường này ở nước ta chưa tuân thủ các quy luật và những gì quan sát thấy ở các thị trường tài chính phát triển, do vậy, để lại nhiều khó khăn hạn chế cho hoạt động của các TCTD. *Nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên bao gồm:*

Thứ nhất, thị trường tiền tệ chưa thực sự phát triển đến mức cần thiết trên nhiều phương diện: thành viên tham gia, tính chất thường xuyên, phổ biến và cả sự can thiệp điều tiết của Nhà nước. Một khi thị trường còn manh mún phân tán với số lượng tham gia hạn chế của các thành viên thì những cái gọi là "cung" và "cầu" thị trường không thể được coi là cung cầu về vốn của mỗi khu vực và nền kinh tế. Trong khi đó, bốn ngân hàng thương mại Nhà nước chiếm 72,6% thị phần huy động và cho vay vốn với hơn 250 chi nhánh lớn trong khắp cả nước thì lại là những đơn vị hạch toán phụ thuộc, điều chuyển vốn riêng rẽ trong từng ngân hàng qua Hội sở chính. Các ngân hàng còn lại quy mô quá nhỏ bé chủ yếu tham gia vào thị trường để chống lỗ tiết

¹ Trên 10 ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước lựa chọn hàng ngày gửi lãi suất chào (cả lãi suất đi vay và cho vay) cho các loại kỳ hạn.

TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

kiếm hay khả năng thanh toán tức thời. Hơn thế nữa, các giao dịch chỉ tập trung chủ yếu ở một số trung tâm đô thị, các địa phương khác trong nước hầu như chưa có hoạt động của thị trường này.

Ngân hàng Nhà nước chưa phải là “ngân hàng bán buôn” và chưa phát huy đầy đủ vai trò và sức mạnh trên TTLNH – người dẫn dắt, định hướng và tạo lập thị trường.

Thứ hai, phương thức hình thành lãi suất chưa hợp lý. Lãi suất của TTLNH phải được hình thành thông qua việc đấu giá hay khớp lệnh trên cơ sở các bản chào lãi suất cá biệt của các ngân hàng thương mại và các TCTD tham gia hoạt động trên thị trường. Nhưng trên thực tế hiện nay các thành viên tham gia gửi lãi suất chào chưa có sự phân bổ đều giữa các khối ngân hàng: có 1 ngân hàng thương mại Nhà nước, 2 ngân hàng thương mại cổ phần còn lại là các chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trong trường hợp những ngân hàng không có giao dịch mà vẫn được yêu cầu chào lãi suất sẽ có những ảnh hưởng không khác quan đến lãi suất được công bố. Vì không có giao dịch, các ngân hàng không cần thiết phải phân tích một cách kỹ lưỡng nhu cầu về nguồn và sử dụng khi gửi lãi suất chào, nhất là trong điều kiện hiện nay Ngân hàng Nhà nước chưa có chế tài về “trách nhiệm” của các TCTD tham gia chào lãi suất.

Thứ ba, chính sách lãi suất vẫn còn tiếp tục được duy trì với nhiều bất cập: có quá nhiều loại với các mức lãi suất khác nhau trong hoạt động hệ thống ngân hàng. Ngoài lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố làm tham chiếu cho hoạt động của các TCTD, thì còn có rất nhiều loại lãi suất ưu đãi khác nhau cùng song song tồn tại. Trong khi lãi suất được công bố lại được xác định bằng cách bình quân hoá các mức lãi suất làm cho lãi suất TTLNH chưa thể coi là cơ sở lãi suất hoạt động của các TCTD.

Thứ tư, hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động của thị trường cũng như thông tin của thị trường đối với nền kinh tế chưa đầy đủ và chính xác, tính quảng bá của thông tin vẫn còn rất hạn chế. Đây cũng chính là một trong những cản trở lớn nhất để hình thành và điều tiết sự biến động của lãi suất một cách hiệu quả, chủ động.

Giải pháp nâng cao vai trò lãi

suất TTLNH ở Việt Nam

Để phát huy những vai trò quan trọng của lãi suất TTLNH Việt nam, hỗ trợ cho hoạt động của các TCTD và sự phát triển của hệ thống tài chính, đáp ứng tốt nhất những yêu cầu về tự do hoá tài chính và hội nhập quốc tế về ngân hàng - tài chính của nước ta, xin trình bày một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, củng cố và thúc đẩy sự phát triển của TTLNH. Trước hết Ngân hàng Nhà nước cần sớm thành lập Vụ Thị trường Tiền tệ để chỉ đạo việc củng cố và phát triển thị trường. Xây dựng cơ chế tài chính khuyến khích các chi nhánh tham gia thị trường tiền tệ trên bất kỳ địa phương nào, không nhất thiết chỉ ở địa bàn hoạt động.

Thứ hai, xoá bỏ lãi suất cơ bản. Hiện nay lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố nhưng cơ sở hình thành lãi suất cơ bản còn có nhiều điều cần phải bàn. Thị giá chứng khoán có thể biến động khác xa so với giá tham chiếu do các trung tâm giao dịch chứng khoán đưa ra, cho nên việc công bố lãi suất cơ bản là không cần thiết. Hơn nữa, việc tồn tại cả lãi suất cơ bản và lãi suất TTLNH là điều hoàn toàn bất hợp lý, nhất là trong điều kiện hiện nay, các TCTD không sử dụng lãi suất cơ bản làm cơ sở tham chiếu đối lãi suất cho vay và huy động từ khách hàng. Theo xu hướng chung của thế giới, lãi suất cơ bản sẽ dần được thay thế bằng lãi suất giao dịch bình quân trên TTLNH khi thị trường tiền tệ thực sự phát triển.

Thứ ba, chuẩn hoá các thành viên tham gia và căn cứ gửi lãi suất chào. Ngân hàng Nhà nước cần sớm ban hành quy chế đối với các thành viên tham gia gửi lãi suất chào cho hoạt động TTLNH phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của thị trường. Thiết lập quy chế về thông tin: cơ quan kiểm duyệt thông tin, đội ngũ cán bộ xử lý, cung cấp thông tin phù hợp, cơ chế phối hợp thông tin với các cơ quan chức năng, v.v... nhằm tránh tình trạng chồng chéo thông tin, bóp méo thông tin.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế xác định lãi suất. Ngân hàng Nhà nước cần sớm ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế xác định giá theo hướng khớp lệnh hoặc đấu giá, trước hết tại các trung tâm tài chính lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí

Minh. Lãi suất được xác định ở những trung tâm này sẽ làm cơ sở tham chiếu cho các địa phương còn lại trong cả nước. Đồng thời, các TCTD sẽ căn cứ vào lãi suất nói trên để xác định lãi suất của thị trường bán lẻ – huy động hoặc cho vay vốn đối với nền kinh tế. Nói cách khác, các TCTD có thể chủ động thoả thuận lãi suất với các đối tượng khách hàng mà không phải mò mẫm hay bám dựa vào lãi suất “chỉ đạo” của Ngân hàng Nhà nước. Mặt khác, việc hình thành lãi suất như trên sẽ tạo điều kiện gắn kết thị trường tiền tệ trong nước với thị trường các nước trong khu vực và quốc tế, góp phần cho các TCTD chủ động tham gia hoạt động trên thị trường và với các ngân hàng nước ngoài.

Thứ năm, nâng cao chất lượng hệ thống thông tin. Cần xây dựng hệ thống thông tin hoàn chỉnh, kết nối trực tuyến giữa Ngân hàng Nhà nước với các TCTD, trong đó ít nhất phải có những nội dung: tình hình huy động và cho vay của hệ thống, nhu cầu vốn vay và cho vay, khả năng đáp ứng vốn của các trung gian tài chính, tình hình biến động lãi suất trên thị trường thế giới, v.v... làm cơ sở xác định lãi suất TTLNH ■

Tài liệu tham khảo

1. Heinrich M. Rodriguez (1996), “Thị trường hối đoái và thị trường tiền tệ”, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
2. CIEM – Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương “Từ ngân hàng một cấp đến ngân hàng thương mại: Cải cách khu vực tài chính ở Việt Nam 1988 – 2003”.
3. Lê Vinh Danh (1996), “Tiền tệ và hoạt động ngân hàng”.
4. Đặng Ngọc Đức (2002), “Một số ý kiến bàn về đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại”, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ.
5. Báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước.
6. Website của Ngân hàng Nhà nước.
7. Lê Hoàng Nga (2004), Thị trường tiền tệ Việt Nam trong quá trình hội nhập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
8. Hà Quang Đào, Nhìn lại cơ chế điều hành lãi suất trong thời gian qua – giải pháp thời gian tới, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 310 – tháng 03/2004.
9. Lý Hoàng Mai, Ảnh hưởng của việc cải cách chính sách lãi suất với phát triển kinh tế, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 329, tháng 10/2005.
10. Tạp chí Ngân hàng.